CHỨNG KHOÁN ALPHA

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

Ngày 27 tháng 11, 2025

Xem thêm

Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading

Đột biến khối lượng

- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá

STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	DDB	26/11/2025	9.9	544.700	68.780	7.92
2	C69	26/11/2025	14.3	2.968.600	459.673	6.46
3	PLP	26/11/2025	6.4	749.100	124.313	06.03
4	TNT	26/11/2025	8.18	507.400	95.477	5.31
5	TNH	26/11/2025	11.55	595.500	220.963	2.7
6	PAC	26/11/2025	24.9	868.400	367.277	2.36
7	SGR	26/11/2025	20.25	584.300	251.653	2.32
8	FIR	26/11/2025	8.27	656.100	318.223	02.06
9	GEE	26/11/2025	194.4	1.141.600	557.163	2.5
10	HII	26/11/2025	07.03	1.157.800	571.933	02.02
11	VPL	26/11/2025	87.2	559.400	302.503	1.85
12	OGC	26/11/2025	4.2	985.600	540.817	1.82
13	PVT	26/11/2025	19.05	5.238.500	2.941.067	1.78
14	SBG	26/11/2025	15	585.400	344.720	1.7
15	GEX	26/11/2025	48.25	26.226.500	15.968.913	1.64
16	NHA	26/11/2025	21	599.800	375.300	1.6
17	DCL	26/11/2025	36.25	1.606.600	1.043.257	1.54
18	BMI	26/11/2025	18.5	707.900	460.003	1.54
19	VCB	26/11/2025	58.1	5.371.200	3.578.807	1.5
20	VIX	26/11/2025	24.5	62.793.200	45.482.828	1.38
21	VSC	26/11/2025	23.15	14.369.800	10.620.510	1.35
22	VPI	26/11/2025	55.8	2.735.600	2.047.480	1.34
23	SHI	26/11/2025	14.6	561.000	440.607	1.27
24	DGW	26/11/2025	43.45	2.029.700	1.662.460	1.22
25	HID	26/11/2025	7.4	1.282.500	1.050.140	1.22
26	HSL	26/11/2025	9.27	954100	785533	1.21
27	NAF	26/11/2025	33.7	624900	525300	1.19
28	HNG	26/11/2025	5.7	3657000	3138750	1.17

- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAV	26/11/2025	6.8	568.160	62.85	6.7	1.48	0.13	0.07
2	CRC	26/11/2025	9.3	1.032.140	49.25	9.2	3.16	-0.27	0.34
3	CTD	26/11/2025	87.8	532.520	49.47	83.57	05.06	0.33	0.89
4	DPM	26/11/2025	23.45	4.758.560	45.84	22.1	06.12	-0.43	0.45
5	DRI	26/11/2025	12.8	669.700	61.56	12.38	3.41	0.11	-0.11
6	EVF	26/11/2025	12.25	2.909.860	44.27	11.74	4.38	-0.29	0.14
7	EVG	26/11/2025	8.5	596.400	43.06	7.54	6.8	-0.3	0.25
8	GAS	26/11/2025	62	565.870	53.09	61.7	0.49	0.01	-0.15
9	HHS	26/11/2025	14.45	1.829.990	42.98	14.16	02.05	-0.63	0.44
10	IDC	26/11/2025	40.9	3.376.010	56.9	39.84	2.67	0.22	-1.04
11	LCG	26/11/2025	10.3	1.337.250	45.42	9.98	3.17	-0.19	0.13
12	MBS	26/11/2025	29.4	2.737.060	46.08	28.02	4.92	-0.71	0.18
13	PVS	26/11/2025	33.8	5.201.760	53.03	32.21	4.94	0.01	-0.42
14	PVT	26/11/2025	19.5	4.317.510	63.84	17.96	06.06	0.11	-0.34
15	SHI	26/11/2025	14.6	505.440	53.76	14.27	2.33	0.01	-0.04
16	TNG	26/11/2025	19.3	1.162.070	51.84	18.83	2.5	0.05	-0.38
17	VC3	26/11/2025	28.2	1.003.260	53.72	26.55	6.2	-0.12	0.16
18	VDS	26/11/2025	18.7	962.830	44.83	17.67	5.83	-0.53	0.06
19	VGT	26/11/2025	12.5	1.080.180	51.85	12.09	3.36	0.06	-0.06
20	VHC	26/11/2025	58.5	1.581.330	53.82	56.75	3.8	0.45	-1.13
21	VIB	26/11/2025	18.45	4.366.140	43.19	17.92	2.93	-0.36	0.16
22	VPI	26/11/2025	55.8	2.063.500	54.17	54.94	1.57	-0.13	-0.62

Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	C69	14.3	14.8	601.520
2	GEE	194.4	194.4	613720
3	HID	7.4	7.85	1.464.110
4	LGL	6.25	6.48	510.220
5	VIC	245	248.8	3082280

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 tháng	TBKL 10 phiên
1	AVG	11	10.9	193.720
2	BTP	9.66	9	90.630
3	CCC	13.5	13.2	111.990
4	PCH	19.7	19.5	99.480
5	SJS	58.3	58.3	18.960
6	TCO	9.88	9.3	188.780
7	TNH	11.55	11.45	280.640
8	VCB	58.1	57.8	2.668.730
9	VPS	9.1	9.4	19.550

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	AVG	11	10.9	193.720
2	BTP	9.66	9	90.630
3	CCC	13.5	13.2	111.990
4	GPC	2.2	2.2	59.560
5	PCH	19.7	19.5	99.480
6	TCO	9.88	9.3	188.780
7	TNH	11.55	11.45	280.640

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

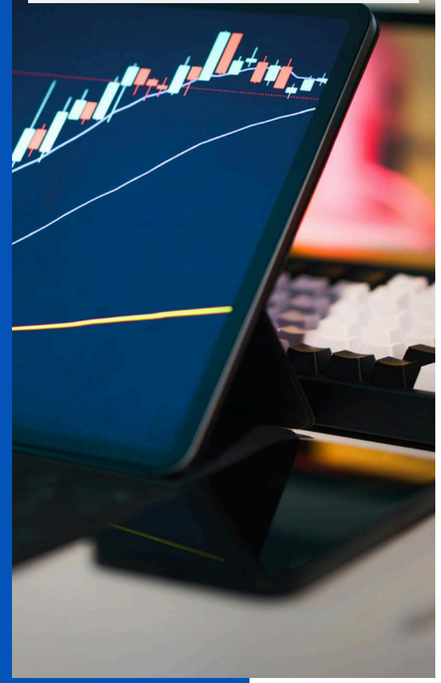

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DBC	27.15	26.56	4.124.860
2	GAS	62	61.7	565.870
3	HHS	14.45	14.16	1829990
4	HVN	29.25	29.21	805.280
5	IDC	40.9	39.84	3.376.010
6	KSB	18.5	18.29	1.350.140
7	VGI	74.4	73.44	1.236.890
8	VND	18.8	18.31	15.063.040

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ANV	30	29.42	2.247.710
2	CII	26.6	25.59	19.185.080
3	CTR	88	87.59	579100
4	DBC	27.15	26.65	4.124.860
5	DGC	95.8	94.52	3.163.250
6	GAS	62	60.91	565.870
7	HDG	32.5	32.02	3.053.160
8	PET	32.75	31.5	1.009.070
9	VC3	28.2	28.07	1003260
10	VGI	74.4	72.49	1236890
11	VPI	55.8	55.64	2063500

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAS	8.9	8.87	960.670
2	CEO	25.7	25.16	12.861.240
3	DCL	36.25	34.55	751470
4	DGC	95.8	95.66	3.163.250
5	DIG	20.75	20.49	10.762.580
7	DXS	10.25	10.1	1544480
8	EIB	22.2	21.88	5908200
9	FIT	4.65	4.64	608930
10	GAS	62	61.83	565870
11	HHP	12.15	12.05	1181040
12	HHV	14.15	14.6	4625230
13	LCG	10.3	10.29	1337250
14	MSB	12.2	12.15	4557400
15	MSN	78.6	78.45	4105550
16	MSR	22.8	22.51	934220
17	MST	5.5	5.49	1229950
18	PDR	22.6	22.26	7668110
19	PET	32.75	31.65	1009070
20	PVS	33.8	33.7	5201760
16	SZC	31.4	31.34	777900
17	TCH	20.7	20.38	4344870
18	TNG	19.3	19.2	1162070
19	TPB	17.4	17.03	5914910
20	VDS	18.7	18.67	962830
21	VGC	45.75	45.27	1091770
22	VGS	28.7	28.59	709350
23	VGT	12.5	12.48	1080180
24	VHC	58.5	57.99	1581330
25	VPB	29	28.35	16162810

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

Cắt xuống đường trung bình MA20

Cắt xuống đường trung bình MA50

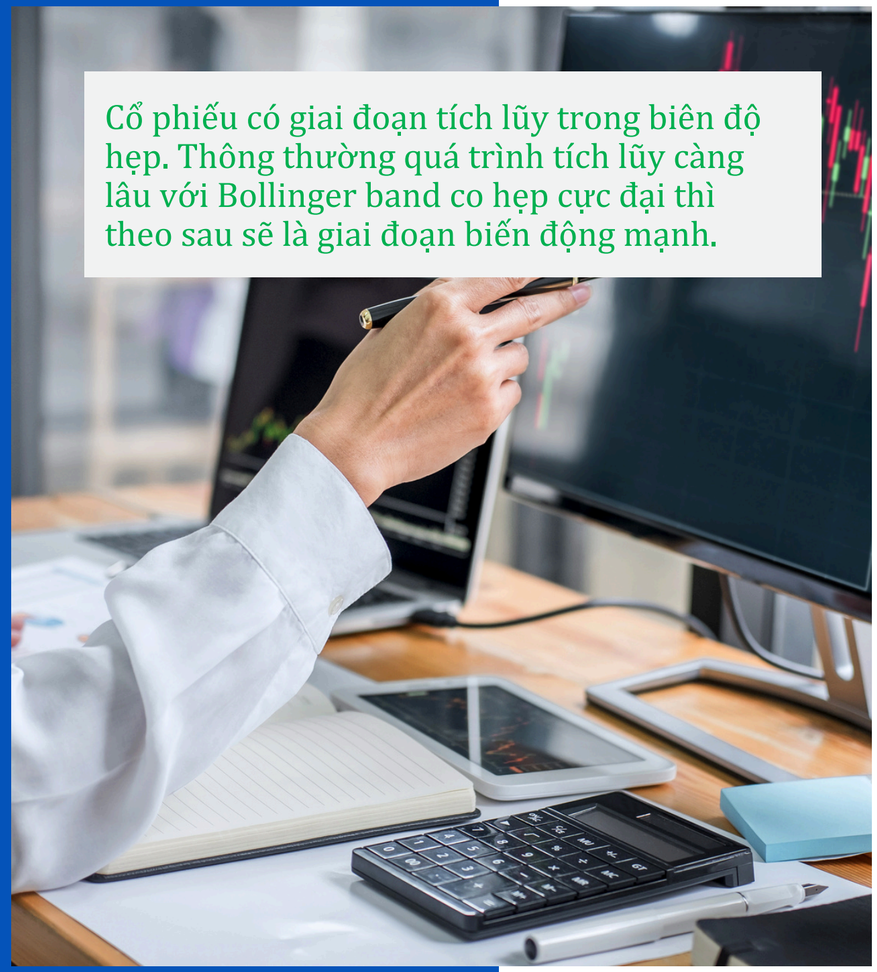

Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	ODE	26/11/2025	46.4	45.3	46.5	2.6	17.660
2	TCL	26/11/2025	34.45	33.3	35.4	6.3	13.580
3	FOC	26/11/2025	64.3	63.5	67.5	6.3	11.880
4	SGN	26/11/2025	60.7	60.4	64.19	6.3	10.540
5	VCP	26/11/2025	25.5	25.31	27	6.7	9.600
6	CHP	26/11/2025	31.75	31.55	33.75	7	52.780
7	QTP	26/11/2025	12.8	12.7	13.6	7.1	117.500
8	HPP	26/11/2025	80.4	77	82.5	7.1	12.920
9	SJD	26/11/2025	14.15	13.77	14.76	7.2	44.780
10	GDT	26/11/2025	20.65	20	21.5	7.5	13.440
11	HTG	26/11/2025	46.7	44.2	47.7	7.9	23.480
12	DBD	26/11/2025	50.6	50.5	54.5	7.9	14.320
13	DVP	26/11/2025	68.1	67.9	73.4	8.1	23.100
14	SCG	26/11/2025	66.5	62.1	67.2	8.2	26.580
15	PVP	26/11/2025	14.4	13.56	14.68	8.3	75.860
16	HMC	26/11/2025	11.75	11.2	12.2	8.9	20.520
17	TVD	26/11/2025	10.5	9.9	10.8	9.1	39.720
18	PPH	26/11/2025	29.4	27.3	29.8	9.2	20.700
19	IDV	26/11/2025	26.8	25	27.3	9.2	14.260
20	SAB	26/11/2025	46.5	44	48.15	9.4	598.540
21	VGP	26/11/2025	28.4	26.5	29	9.4	14480
22	PGC	26/11/2025	13.55	12.75	13.95	9.4	13240
23	CQN	26/11/2025	31.5	30.5	33.4	9.5	10580
24	DHG	26/11/2025	102.8	100.4	110	9.6	10900
25	NCT	26/11/2025	96.1	95.5	104.71	9.6	10500
26	CLX	26/11/2025	15.9	15.3	16.8	9.8	74060
27	ACC	26/11/2025	13.3	12.75	14	9.8	11840
28	PPC	26/11/2025	10	9.6	10.55	9.9	197780

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009